

LỖI TỪ VỰNG TRONG KỸ NĂNG VIẾT TIẾNG TRUNG QUỐC CỦA SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY HỌC VIỆN CẢNH SÁT NHÂN DÂN: THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

Nguyễn Thị Huyền Trang
Học viện Cảnh sát nhân dân

Tóm tắt: Từ vựng là một trong những thành tố cốt lõi quyết định chất lượng kỹ năng viết tiếng Trung Quốc. Tuy nhiên, đối với người học tiếng Trung Quốc như ngoại ngữ, việc sử dụng từ ngữ chính xác, phù hợp với ngữ cảnh và văn phong vẫn là một thách thức lớn. Thông qua khảo sát 360 bài viết thực tế, chúng tôi đã tiến hành tìm hiểu lỗi từ vựng trong kỹ năng viết tiếng Trung Quốc của sinh viên hệ chính quy Học viện Cảnh sát nhân dân. Kết quả cho thấy có 972 lỗi từ vựng được ghi nhận. Các lỗi phổ biến gồm: lỗi nhầm nghĩa của từ, lỗi dùng sai từ loại, lỗi kết hợp từ, lặp từ hoặc thừa từ và dùng từ không phù hợp văn phong. Trên cơ sở đó, bài viết truy tìm nguyên nhân của các lỗi từ vựng trên; đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khắc phục lỗi từ vựng, góp phần cải thiện kỹ năng viết tiếng Trung Quốc của sinh viên.

Từ khóa: Lỗi từ vựng, kỹ năng viết, tiếng Trung Quốc, thực trạng, giải pháp.

LEXICAL ERRORS IN CHINESE WRITING SKILLS OF FULL-TIME STUDENTS AT THE PEOPLE'S POLICE ACADEMY: CURRENT SITUATION, CAUSES, AND REMEDIAL SOLUTIONS

Abstract: Vocabulary is one of the core components determining the quality of Chinese writing skills. However, for learners of Chinese as a foreign language, using words accurately and appropriately according to context and style remains a significant challenge. Through an analysis of 360 authentic student compositions, this study investigated lexical errors in the Chinese writing of full-time students at the People's Police Academy. The results identified 972 lexical errors. The most common error types included misuse of word meanings, incorrect word classes, inappropriate collocations, redundancy and repetition, and stylistically inappropriate word choices. Based on these findings, the study examines the underlying causes of such errors and proposes several pedagogical solutions to reduce lexical errors and improve students' Chinese writing proficiency.

Keywords: lexical errors, writing skills, Chinese language, current situation, solutions.

Nhận bài: 15/04/2026

Phản biện: 16/05/2026

Duyệt đăng: 19/05/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong quá trình học tiếng Trung Quốc, từ vựng giữ vai trò đặc biệt quan trọng, là cơ sở để hình thành và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, đặc biệt là kỹ năng viết. Một bài viết có chất lượng không chỉ đòi hỏi người học nắm vững ngữ pháp mà còn phải biết lựa chọn và sử dụng từ ngữ phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp, mục đích diễn đạt và đặc trưng văn phong. Tuy nhiên, đối với sinh viên Việt Nam học tiếng Trung Quốc như một ngoại ngữ, việc sử dụng từ vựng chính xác vẫn là một trong những khó khăn phổ biến.

Thực tế giảng dạy tại Học viện Cảnh sát nhân dân cho thấy nhiều sinh viên mặc dù đã tích lũy được vốn từ vựng nhất định nhưng vẫn thường xuyên mắc lỗi trong quá trình viết. Các lỗi thường gặp bao gồm: nhầm nghĩa của từ, dùng sai từ loại, kết hợp từ không tự nhiên, lặp từ, thừa từ hoặc sử dụng từ ngữ không phù hợp với văn phong của văn bản. Những lỗi này không chỉ ảnh hưởng đến tính chính xác và tự nhiên của câu, đoạn văn mà còn làm giảm hiệu quả giao tiếp bằng văn bản, đặc biệt trong các chủ đề liên quan đến lĩnh vực công an, pháp luật và nghiệp vụ.

Xuất phát từ thực tiễn trên, bài viết tập trung khảo sát thực trạng lỗi từ vựng trong kỹ năng viết tiếng Trung Quốc của sinh viên hệ chính quy Học viện Cảnh sát nhân dân. Trên cơ sở đó, làm rõ các dạng lỗi từ vựng thường gặp, phân tích nguyên nhân dẫn đến lỗi và đề xuất các giải pháp khắc phục nhằm khắc phục lỗi từ vựng, góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học tiếng Trung Quốc trong bối cảnh hiện nay.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở kết hợp giữa phân tích định lượng và định tính nhằm khảo sát thực trạng lỗi từ vựng trong kỹ năng viết tiếng Trung Quốc của sinh viên hệ chính quy Học viện Cảnh sát nhân dân. Về đối tượng nghiên cứu, bài viết tập trung khảo sát các lỗi từ vựng xuất hiện trong bài viết tiếng Trung Quốc của sinh viên hệ chính quy đang theo học tại Học viện Cảnh sát nhân dân. Nguồn dữ liệu nghiên cứu gồm 360 bài viết được thu thập từ các học phần tiếng Trung Quốc ở nhiều chủ đề khác nhau như giới thiệu bản thân, trường học, lớp học, môi trường học tập,

giao thông, an ninh trật tự và các tình huống giao tiếp có liên quan đến lĩnh vực công an.

Về phương pháp thu thập dữ liệu, nghiên cứu tiến hành thống kê, phân loại các lỗi từ vựng xuất hiện trong bài viết của sinh viên. Các lỗi được xác định dựa trên chuẩn ngữ nghĩa, ngữ pháp và quy tắc sử dụng từ trong tiếng Trung Quốc hiện đại. Trên cơ sở đó, lỗi từ vựng được chia thành các nhóm chính gồm: lỗi nhầm nghĩa của từ, lỗi dùng sai từ loại, lỗi kết hợp từ, lỗi lặp từ hoặc thừa từ và

lỗi dùng từ không phù hợp văn phong.

III. THỰC TRẠNG LỖI TỪ VỤNG TRONG BÀI VIẾT TIẾNG TRUNG QUỐC CỦA SINH VIÊN

Kết quả khảo sát 360 bài viết tiếng Trung Quốc của sinh viên hệ chính quy Học viện Cảnh sát nhân dân cho thấy lỗi từ vựng là một trong những nhóm lỗi xuất hiện với tần suất cao, với 972 lỗi từ vựng được ghi nhận. Các lỗi từ vựng được phân thành năm nhóm chính như trình bày ở bảng sau.

Loại lỗi	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Lỗi dùng sai từ loại	244	25,10
Lỗi sai do nhầm nghĩa của từ	276	28,40
Lỗi kết hợp từ	220	22,63
Lỗi lặp từ, thừa từ	144	14,81
Lỗi dùng từ không hợp văn phong	88	9,05
Tổng cộng	972	100

Bảng 1. Thống kê các lỗi từ vựng trong bài viết

Kết quả thống kê cho thấy lỗi nhầm nghĩa của từ chiếm tỷ lệ cao nhất (28,40%), tiếp đến là lỗi dùng sai từ loại (25,10%) và lỗi kết hợp từ (22,63%). Ba nhóm lỗi này chiếm tới 76,13% tổng số lỗi từ vựng, phản ánh những hạn chế đáng kể của sinh viên trong việc hiểu nghĩa, lựa chọn và sử dụng từ ngữ trong ngữ cảnh giao tiếp cụ thể.

(1) Lỗi sai do nhầm nghĩa của từ

Lỗi nhầm nghĩa của từ là loại lỗi xuất hiện nhiều nhất với 276 trường hợp, chiếm 28,40% tổng số lỗi từ vựng. Đây là hiện tượng sinh viên sử dụng từ không phù hợp với ngữ cảnh hoặc lựa chọn từ có nghĩa gần giống nhưng không tương thích về sắc thái nghĩa và phạm vi sử dụng. Một số lỗi sai điển hình:

Lỗi sai	Gợi ý sửa lỗi
我每天早上五点睡觉。	我每天早上五点起床。
警察帮助嫌疑人。	警察帮助事主。
警察找到线索，很开心。	警察找到线索，很重视。
他酒后驾驶，被警察表扬。	他酒后驾驶，被警察罚款。

Các ví dụ như “我每天早上五点睡觉” thay vì “我每天早上五点起床”, hay “警察帮助嫌疑人” thay vì “警察帮助事主” cho thấy sinh viên chưa phân biệt rõ nghĩa của các từ có quan hệ gần nghĩa hoặc đối lập về chức năng trong thực tiễn nghiệp vụ công an. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc học từ vựng theo lối ghi nhớ đơn lẻ, thiếu gắn kết với ngữ cảnh sử dụng. Bên cạnh đó, thói quen dịch trực

tiếp từ tiếng Việt sang tiếng Trung Quốc cũng làm gia tăng nguy cơ lựa chọn từ không phù hợp.

(2) Lỗi sai từ loại

Lỗi sai từ loại chiếm tỷ lệ 25,10%, đứng thứ hai trong lỗi từ vựng. Lỗi này do sinh viên nhầm lẫn từ loại của từ (nhầm lẫn giữa danh từ với tính từ, động từ và tính từ...), khiến câu không phù hợp với ngữ pháp tiếng Trung Quốc. Chẳng hạn:

Lỗi sai	Gợi ý sửa lỗi
警察正在调查这个案件。	警察正在侦破这起案件。
警察在搜查中发现了重要的线索。	警察在搜查中找到了重要的线索。
警察马上保护现场。	警察马上封锁现场。
他因为卖毒品被警察抓了。	他因为贩卖毒品被警方逮捕。

Trong bảng ví dụ trên, “警察正在调查这个案件” nên được thay bằng “警察正在侦破这起案件”; hoặc “警察马上保护现场” được sửa thành “警察马上封锁现场”. Trong các trường hợp này, câu văn không hoàn toàn sai về mặt ngữ pháp nhưng chưa phù hợp với thói quen sử dụng ngôn ngữ của người bản ngữ.

Lỗi kết hợp từ phản ánh ảnh hưởng rõ rệt của tiếng mẹ đẻ. Nhiều sinh viên có xu hướng dựa vào cách kết hợp từ trong tiếng Việt để tạo lập câu

tiếng Trung Quốc, dẫn đến hiện tượng chuyển di ngôn ngữ tiêu cực

(4) Lỗi lặp từ, thừa từ

Lỗi lặp từ hoặc thừa từ chiếm tỷ lệ 14,18% trong nhóm lỗi từ vựng. Loại lỗi này làm cho câu văn dài dòng, thiếu tính khái quát và ảnh hưởng đến hiệu quả diễn đạt. Nguyên nhân của lỗi này chủ yếu do sinh viên thiếu vốn từ hoặc chưa biết sử dụng, liên kết các từ; làm cho câu văn rườm rà, thiếu cô đọng. Ví dụ minh họa:

Lỗi sai	Gợi ý sửa lỗi
警察要保护人民, 警察要服务人民, 警察要帮助人民。	警察要保护、服务和帮助人民。
公安机关要管理社会, 管理治安, 管理秩序。	公安机关要加强社会治安管理。
我们要提高交通, 提高意识。	我们要提高交通意识。
他违反法律, 违反规定。	他违反了法律规定。

Trong ví dụ trên, câu “警察要保护人民, 警察要服务人民, 警察要帮助人民” có thể được diễn đạt ngắn gọn hơn bằng “警察要保护,服务和帮助人民”. Tương tự, “公安机关要管理社会,管理治安, 管理秩序” nên được thay bằng “公安机关要加强社会治安管理”.

Nguyên nhân chủ yếu của lỗi lặp từ, thừa từ là do sinh viên còn hạn chế về vốn từ và kỹ năng diễn đạt, chưa biết sử dụng các cấu trúc khái quát hóa hoặc liên kết ngôn ngữ để tránh lặp lại từ ngữ.

(5) Lỗi dùng từ không hợp văn phong

Lỗi dùng từ không phù hợp văn phong (9,05%) chủ yếu liên quan đến việc sử dụng khẩu ngữ trong văn viết. Tuy tỷ lệ không cao nhưng đây là loại lỗi ảnh hưởng trực tiếp đến tính chuẩn mực của văn bản. Qua quá trình khảo sát bài viết của sinh viên, đặc biệt là bài viết đơn xin nghỉ học, chúng tôi nhận thấy một số sinh viên vẫn chưa nắm vững yêu cầu của thể loại văn bản này, dẫn đến những lỗi sai đáng tiếc. Dưới đây là một dạng lỗi điển hình:

Trong ngữ cảnh viết đơn xin nghỉ học vì lý do việc gia đình, sinh viên đã sử dụng các từ khẩu ngữ, khiến văn bản thiếu trang trọng. Chẳng hạn như “我家里有点事, 想请个假, 差不多三四天吧, 希望老师批准.”. Cách diễn đạt “有点事” (có chút việc), “请个假” (xin nghỉ phép - cách nói thân mật), “差不多三四天吧” (khoảng ba bốn ngày - ước lượng không chính xác), “吧” mang tính khẩu ngữ, không phù hợp với văn phong văn bản hành chính. Trong đơn xin nghỉ, cần sử dụng ngôn ngữ trang

trọng, chính xác, ghi rõ thời gian nghỉ cụ thể thay cho thời gian ước lượng. Cách diễn đạt phù hợp hơn là “因家中急事需本人回去处理,特向您请四天假, 请假时间自.....年.....月.....日至.....年.....月.....日,请假期间,我会自学落下的课程内容,按时完成作业,及时补交课程作业。恳请批准!”.

Nguyên nhân của lỗi dùng từ không hợp văn phong là do sinh viên chưa nắm vững đặc điểm ngôn ngữ của từng thể loại văn bản, chưa phân biệt rõ sự khác biệt giữa khẩu ngữ và văn viết trong tiếng Trung Quốc.

Nhìn chung, các lỗi từ vựng cho thấy sinh viên còn hạn chế trong vận dụng vốn từ vào ngữ cảnh giao tiếp cụ thể, đặc biệt là trong môi trường văn bản học thuật.

IV. THẢO LUẬN

Kết quả khảo sát cho thấy lỗi từ vựng của sinh viên tập trung chủ yếu ở ba phương diện: nghĩa của từ, sử dụng từ đúng chức năng ngữ pháp và kết hợp từ trong ngữ cảnh giao tiếp. Điều này phản ánh thực tế rằng việc học từ vựng của sinh viên vẫn thiên về ghi nhớ hình thức và nghĩa cơ bản, chưa chú trọng đến đặc điểm sử dụng từ trong các ngữ cảnh cụ thể.

Bên cạnh đó, ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ là nguyên nhân quan trọng dẫn đến nhiều lỗi từ vựng. Sinh viên thường vận dụng trực tiếp cách tư duy và cấu trúc ngôn ngữ tiếng Việt vào quá trình diễn đạt bằng tiếng Trung Quốc. Ngoài ra, vốn từ chuyên ngành công an còn hạn chế cũng làm gia tăng các lỗi liên quan đến lựa chọn từ ngữ trong những chủ đề mang tính nghề nghiệp.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy việc nâng cao năng lực sử dụng từ vựng cần được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình phát triển kỹ năng viết tiếng Trung Quốc cho sinh viên Học viện Cảnh sát nhân dân.

V. GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC LỖI TỪ VỰNG TRONG KĨ NĂNG VIẾT TIẾNG TRUNG QUỐC CỦA SINH VIÊN

Kết quả khảo sát của đề tài cho thấy lỗi từ vựng trong kỹ năng viết tiếng Trung Quốc của sinh viên chủ yếu tập trung ở các dạng: nhầm nghĩa của từ, sai từ loại, lỗi kết hợp từ, lỗi lặp từ và sử dụng từ không phù hợp với văn phong. Những lỗi này phản ánh hạn chế trong năng lực sử dụng từ vựng, cũng như ảnh hưởng của chuyển di tiêu cực từ tiếng Việt sang tiếng Trung Quốc. Do đó, việc khắc phục cần hướng đến phát triển năng lực từ vựng tiếng Trung Quốc cho sinh viên.

Trước hết, cần đổi mới phương pháp giảng dạy từ vựng theo hướng gắn từ vựng với ngữ cảnh sử dụng, chuyển từ phương pháp dạy từ vựng đơn lẻ sang dạy theo cụm từ và đặt trong ngữ cảnh cụ thể. Giảng viên cần tăng cường dạy từ vựng theo chủ đề, kết hợp với ngữ liệu thực tế trong lĩnh vực công an. Ví dụ, thay vì chỉ dạy từ “调查” (điều tra), cần đặt trong các cụm từ như “进行调查” (tiến hành điều tra), “刑事调查” (điều tra hình sự), “调查取证” (điều tra, thu thập chứng cứ); dạy từ “现场” (hiện trường) đặt trong cụm từ 勘查现场 (khám nghiệm hiện trường), dạy từ 通缉 (truy nã) đặt trong các cụm từ như 通缉令 (lệnh truy nã), 通缉犯 (tội phạm truy nã)... Việc cung cấp các kết hợp từ chuẩn sẽ giúp giảm thiểu lỗi sai mang tính hệ thống.

Bên cạnh đó, giảng viên cần tăng cường dạy học từ vựng theo trường nghĩa và nhóm từ dễ gây nhầm lẫn. Kết quả nghiên cứu cho thấy lỗi nhầm nghĩa của từ chiếm tỷ lệ cao nhất trong các lỗi từ vựng. Do đó, giảng viên nên xây dựng các bài tập so sánh, đối chiếu những từ có nghĩa gần giống nhau hoặc dễ bị nhầm lẫn. Chẳng hạn, cần giúp sinh viên phân biệt rõ các cặp từ như 发现 và 找到, 帮助 và 支持, 调查 và 侦查, 处罚 và 处分... thông qua các ngữ cảnh sử dụng cụ thể. Việc phân tích điểm giống và khác nhau giữa các từ sẽ góp phần nâng cao khả năng lựa chọn từ ngữ chính xác trong quá trình viết. Giảng viên cần chú trọng cung cấp cho sinh viên các tổ hợp từ, mẫu câu điển hình và tình huống sử dụng cụ thể. Qua đó, giúp sinh viên hiểu rõ sắc thái nghĩa và phạm vi sử dụng của từ. Điều này đặc biệt quan trọng

trong việc hạn chế lỗi nhầm nghĩa và lỗi kết hợp từ. Đồng thời, việc phân tích các cặp từ dễ nhầm, từ gần nghĩa cần được thực hiện thường xuyên thông qua bài tập đối chiếu và lựa chọn từ trong ngữ cảnh.

Đối với lỗi sai từ loại, cần tăng cường hướng dẫn sinh viên nhận diện chức năng ngữ pháp, vị trí của từ trong câu, kết hợp với việc luyện tập chuyển đổi từ loại trong các ngữ cảnh khác nhau. Các bài tập sắp xếp từ thành câu, hoàn thành câu và viết lại câu sẽ giúp sinh viên củng cố khả năng sử dụng từ vựng. Đồng thời, cần rèn luyện thói quen tra từ điển, kết hợp với ví dụ minh họa để hiểu rõ cách dùng, từ loại của từ.

Để khắc phục lỗi lặp từ và sử dụng từ không phù hợp văn phong, cần rèn luyện cho sinh viên khả năng đa dạng hóa diễn đạt. Giảng viên có thể tổ chức các hoạt động viết lại đoạn văn theo yêu cầu sử dụng từ đồng nghĩa hoặc điều chỉnh văn phong từ khẩu ngữ sang văn viết. Chẳng hạn, sinh viên dễ nhầm lẫn giữa “抓” và “逮捕”. Trong văn nói có thể dùng “抓人” (bắt người), nhưng trong văn bản nghiệp vụ cần sử dụng “逮捕犯罪嫌疑人” (bắt nghi phạm). Việc phân tích sự khác biệt về sắc thái và phạm vi sử dụng sẽ giúp sinh viên lựa chọn từ chính xác hơn. Bên cạnh đó, cung cấp các mẫu câu, mẫu văn bản chuẩn và phân tích đặc điểm văn phong cũng góp phần giúp sinh viên hình thành ý thức lựa chọn từ ngữ phù hợp với ngữ cảnh và mục đích viết.

Ngoài ra, cần tăng cường hoạt động sửa lỗi từ vựng thông qua phản hồi chi tiết của giảng viên và đánh giá đồng đẳng. Việc yêu cầu sinh viên tự phát hiện và chỉnh sửa lỗi trong bài viết không chỉ giúp nâng cao nhận thức về lỗi mà còn góp phần hình thành năng lực tự học và tự điều chỉnh trong quá trình sử dụng ngôn ngữ.

Từ phía người học, cần xây dựng chiến lược học tập từ vựng một cách khoa học. Sinh viên không nên học từ theo phương pháp ghi nhớ đơn lẻ mà cần học từ trong ngữ cảnh, kết hợp với ví dụ minh họa và các kết hợp từ phổ biến. Việc xây dựng sổ tay từ vựng theo chủ đề, theo trường nghĩa hoặc theo chuyên ngành công an sẽ giúp hệ thống hóa kiến thức và nâng cao hiệu quả ghi nhớ. Đồng thời, sinh viên cần thường xuyên đọc các tài liệu tiếng Trung Quốc, đặc biệt là các văn bản liên quan đến lĩnh vực công an, pháp luật và an ninh để mở rộng vốn từ và nâng cao khả năng sử dụng từ trong thực tiễn.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ trong học tập từ vựng cần được đẩy mạnh. Các phần

mềm học từ vựng, từ điển điện tử và hệ thống ngữ liệu trực tuyến có thể hỗ trợ sinh viên tra cứu cách dùng từ, kết hợp từ và ví dụ ngữ cảnh. Việc khai thác hiệu quả các nguồn học liệu số sẽ giúp người học tiếp cận ngôn ngữ thực tế và từng bước hình thành năng lực sử dụng từ ngữ chính xác hơn.

Nhìn chung, việc khắc phục lỗi từ vựng cần được thực hiện thông qua sự phối hợp giữa đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao ý thức tự học của sinh viên và tăng cường môi trường sử dụng tiếng Trung Quốc. Nếu được triển khai đồng bộ, các giải pháp trên sẽ góp phần giảm thiểu lỗi từ vựng, nâng cao chất lượng kỹ năng viết tiếng Trung Quốc và đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có năng lực ngoại ngữ trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

VI. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát cho thấy lỗi từ vựng là một

trong những nhóm lỗi phổ biến trong kỹ năng viết tiếng Trung Quốc của sinh viên hệ chính quy Học viện Cảnh sát nhân dân, với 972 lỗi được ghi nhận. Các lỗi chủ yếu gồm nhầm nghĩa của từ, dùng sai từ loại, kết hợp từ không phù hợp, lặp từ và sử dụng từ ngữ chưa đúng văn phong. Nguyên nhân của các lỗi này xuất phát từ việc học từ vựng tách rời ngữ cảnh, ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ, vốn từ chuyên ngành còn hạn chế và chưa nắm vững quy tắc sử dụng từ trong tiếng Trung Quốc. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất tăng cường dạy học từ vựng theo ngữ cảnh, chú trọng từ loại và kết hợp từ, đẩy mạnh rèn luyện kỹ năng viết và phát triển năng lực tự học của sinh viên. Các giải pháp này góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học tiếng Trung Quốc, đặc biệt là năng lực viết trong môi trường đào tạo đặc thù của Học viện Cảnh sát nhân dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 刘思佳 (2018), 留学生汉语词汇水平与汉语写作问题调查报告——以通过HSK五级考试的留学生汉语写作为例。教育学硕士学位论文。西南交通大学。
- 莫丹 (2015), 《华裔与非华裔汉语学习者产出性词汇知识差异及其对写作质量的影响》, 云南师范大学学报: 对外汉语教学与研究版, 第13卷第5期, 第33-41页。
- 蒋绍愚 (2005), 《古汉语词汇纲要》, 北京大学出版社。
- 周文华 (2014), 《母语语序类型对目的语习得的影响——以汉语介词语序偏误为例》, 《语言教学与研究》, 第5期, 第10-17页。
- 阮氏梅 (Nguyen Thi Man) (2023), 《TOCFL学习者语料库越南学生华语写作偏误分析: 以动词、名词和助词偏误为主》, 国立清华大学, 硕士学位论文。
- Đỗ Tiên Quân (2020), *Một số giải pháp nâng cao chất lượng kỹ năng Viết tiếng Trung Quốc giai đoạn cơ sở tại Học viện Khoa học Quân sự*, Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Vol. 65, Issue 1, 16.
- Vũ Thị Minh Thanh (2023), *Nâng cao kỹ năng viết cho sinh viên học tiếng Trung Quốc*, Tạp chí Thiết bị giáo dục, số 2, trang 38-39, 62.